

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 226 /UBND-KT
V/v thực hiện Nghị quyết số
424/NQ-CP ngày 30/12/2025
của Chính phủ

Nghệ An, ngày 08 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Thực hiện Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 (Bản sao Nghị quyết gửi kèm theo).

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Đệ có ý kiến như sau:

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Nghị quyết nêu trên của Chính phủ để chủ động nghiên cứu, quán triệt, tổ chức thực hiện kịp thời; tham mưu UBND tỉnh các nội dung theo thẩm quyền đảm bảo đúng quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Văn Đệ;
- CVP, PCVP KT UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, T).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đào Quang Thiên

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 424 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 263/TTr-BNNMT ngày 27 tháng 12 năm 2025;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

Điều 2. Căn cứ vào tình hình thực tế, các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định có liên quan, các bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành, hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, NN (02). 65

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Hòa Bình



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035

*(Kèm theo Nghị quyết số 424/NQ-CP
ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)*

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình) đã được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 11 tháng 12 năm 2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 257/2025/QH15), Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức cụ thể hóa kịp thời và thực hiện đầy đủ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 257/2025/QH15;

b) Xác định rõ nội dung nhiệm vụ, thời hạn, tiến độ hoàn thành, sản phẩm, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 bảo đảm đồng bộ, thống nhất và hiệu quả;

c) Xác định cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 trên phạm vi cả nước.

2. Yêu cầu

a) Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 257/2025/QH15 để xây dựng giải pháp, cơ chế quản lý, điều hành Chương trình chặt chẽ; bảo đảm việc thực hiện Nghị quyết nghiêm túc, hiệu quả, chất lượng, đúng quy định của pháp luật, sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phòng chống lãng phí, tiêu cực;

b) Cụ thể hoá nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện Chương trình bằng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành để bảo đảm đủ hành lang pháp lý, tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình;

c) Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, tiến độ thực hiện của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan chủ Chương trình), Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các bộ, cơ quan trung ương có nội dung thực hiện thuộc Chương trình, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 257/2025/QH15, Nghị quyết của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan đến các cấp, các ngành, toàn xã hội và Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết số 257/2025/QH15 theo yêu cầu.

3. Rà soát, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành và hướng dẫn thực hiện Chương trình (tại Phụ lục kèm theo).

4. Tổ chức phê duyệt, triển khai thực hiện Chương trình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ở các cấp, các ngành trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các bộ, ngành trung ương có liên quan và Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố chủ động, tích cực triển khai Nghị quyết này theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan chủ Chương trình, chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các bộ, cơ quan trung ương có liên quan và địa phương:

- Xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình giai đoạn 2026 - 2030. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Quyết định đầu tư Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định;

- Xây dựng quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

- Hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương, địa phương lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách trung ương hằng năm thực hiện Chương trình; tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ, giao kế hoạch, dự toán ngân sách trung ương (bao gồm vốn ngân sách trung ương bố trí thực hiện tín dụng chính sách xã hội) thực hiện Chương trình;

- Nghiên cứu, đề xuất bổ sung ngân sách trung ương cho Chương trình, bao gồm vốn tín dụng chính sách xã hội để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện, giải ngân vốn, kinh phí của Chương trình, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý Chương trình;

- Hằng năm, tham mưu Chính phủ báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Chương trình vào kỳ họp cuối năm hoặc theo yêu cầu của Quốc hội;

- Tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định;

- Căn cứ kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, tham mưu Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2031 - 2035.

b) Rà soát, hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 làm cơ sở triển khai thực hiện Chương trình;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Bộ tiêu chí đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố, thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Chủ trì hướng dẫn tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến công tác dân tộc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ và cơ quan trung ương hướng dẫn tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

b) Tổng hợp, công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan rà soát, phê duyệt và công bố danh sách tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030.

4. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương hoàn thiện trình Chính phủ ban hành quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các bộ, cơ quan trung ương nghiên cứu, ban hành Thông tư quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2035;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, cơ quan trung ương tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội;

d) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương kết nối đồng bộ hệ thống thông tin quản lý Chương trình với Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia do Bộ Tài chính quản lý.

5. Bộ Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo và cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào “Cả nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035”, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

6. Ngân hàng Nhà nước

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và thống kê nguồn lực tín dụng góp phần thực hiện Chương trình; hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

7. Ngân hàng Chính sách xã hội

Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

8. Các bộ, cơ quan trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện các nội dung của Chương trình được giao chủ trì, theo hướng tích hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai, áp dụng thực hiện.

9. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tin truyền thông khác phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện truyền thông về Chương trình.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Rà soát, ban hành các văn bản liên quan về quản lý, điều hành, thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình ở địa phương thuộc thẩm quyền;

b) Xây dựng kế hoạch bảo đảm sát nhu cầu thực tế và cân đối, bố trí ngân sách địa phương, huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt; không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản; bố trí ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua hệ thống Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, thành phố;

c) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả;

d) Rà soát và ban hành danh sách xã thuộc nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 để áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030; ban hành

quy định cụ thể tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 theo từng nhóm xã để áp dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố;

đ) Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp cuối năm và báo cáo Chính phủ về kết quả thực hiện Chương trình;

e) Căn cứ mục tiêu, tiêu chí của Chương trình, các tỉnh, thành phố chủ động bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để chuẩn bị đầu tư các dự án xây dựng cơ bản trong khuôn khổ Chương trình;

11. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp triển khai thực hiện chương trình gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; chủ động triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo phân công; tổ chức tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình; thực hiện hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình./.



Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
BAN HÀNH, THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch tại Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
I	VĂN BẢN TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH				
1	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành trung ương có liên quan	Tháng 12/2025	Chính phủ
2	Nghị định của Chính phủ ban hành quy định chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành trung ương có liên quan	Tháng 12/2025	Chính phủ
3	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các bộ, ngành trung ương có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố	Quý I năm 2026	Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026 - 2030 cho các bộ, ngành trung ương và địa phương	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố	Quý II/2026	Thủ tướng Chính phủ
5	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành trung ương có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố	Tháng 12/2025	Thủ tướng Chính phủ
6	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành trung ương có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố	Quý II/2026	Thủ tướng Chính phủ
7	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại hiện đại; tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố	Quý II/2026	Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
8	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào “Cả nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026 - 2035”	Bộ Nội vụ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các bộ, ngành trung ương có liên quan	Quý II/2026	Thủ tướng Chính phủ
9	Nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN	Ngân hàng Nhà nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ngân hàng Chính sách xã hội, các bộ, ngành trung ương có liên quan	Trong năm 2026	Chính phủ
II	VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG BAN HÀNH THEO THẨM QUYỀN				
1	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các bộ, ngành trung ương có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố	Tháng 01/2026	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
2	Thông tư quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các bộ, ngành trung ương có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố	Trong năm 2026	Bộ trưởng Bộ Tài chính
3	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào DTTS và MN, thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Tháng 01/2026	Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo
4	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo phê duyệt và công bố danh sách tỉnh vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan	Tháng 01/2026	Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo
5	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan	Tháng 01/2026	Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
6	Ban hành các văn bản của các bộ, ngành trung ương hướng dẫn chi tiết, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện các nội dung của Chương trình, Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 được giao chủ trì theo hướng tích hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai, áp dụng thực hiện.	Các bộ, ngành trung ương được giao chủ trì	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, và UBND các tỉnh, thành phố	Quý I và II/2026	Thủ trưởng các bộ, ngành trung ương có liên quan